

Số: 290/BVĐKĐG-VTTB

Hà Nội, ngày 20 tháng 2 năm 2025

V/v: Mời chào giá vật tư y tế

**Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp vật tư y tế tại Việt Nam**

Bệnh viện đa khoa Đức Giang có nhu cầu tiếp nhận báo giá kèm tài liệu kỹ thuật để tham khảo xây dựng cho gói thầu: Hóa chất xét nghiệm.

Bệnh viện kính mời các đơn vị, doanh nghiệp kinh doanh có khả năng cung cấp, quan tâm chào giá, với nội dung cụ thể như sau:

**I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá**

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa Đức Giang - Số 54 phố Trường Lâm, phường Đức Giang, quận Long Biên, TP Hà Nội.
2. Mọi thông tin cần liên hệ về báo giá: DS.Nguyễn Thị Phương Nhung – Phòng Vật tư thiết bị - ĐT: 038.6922.866 hoặc số 024 3871.1751 để được hỗ trợ
3. Báo giá (Theo mẫu phụ lục II đính kèm)

***Được tiếp nhận theo các hình thức sau :***

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bộ phận Văn thư – tầng 1 nhà A, Bệnh viện Đa khoa Đức Giang số 54 phố Trường Lâm, phường Đức Giang, quận Long Biên, TP Hà Nội.
  - Nhận qua Email: [vtbbytducgiang@gmail.com](mailto:vtbbytducgiang@gmail.com).
4. Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 21 tháng 2 năm 2025 đến trước 17h ngày 03 tháng 3 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày

**II. Nội dung yêu cầu báo giá:**

1. Danh mục vật tư y tế (Kèm theo phụ lục I).
2. Địa điểm giao hàng: Kho vật tư y tế, Bệnh viện đa khoa Đức Giang, số 54 phố Trường Lâm, phường Đức Giang, Long Biên, Hà Nội.
3. Thời gian giao hàng dự kiến:

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng : Không tạm ứng, thanh toán theo từng đợt, sau khi thực hiện hợp đồng và đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

Rất mong nhận được sự quan tâm của Quý đơn vị.

Trân trọng cảm ơn!.

Nơi nhận: 

- Như kính gửi;
- Lưu VTTB.



GIÁM ĐỐC 

Nguyễn Văn Thường

H  
B  
Đ  
Đ  
C  
S



SỞ Y TẾ HÀ NỘI  
BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐỨC GIANG

Phụ lục I

DANH MỤC DỊCH VỤ KỸ THUẬT MỜI CHÀO GIÁ

| STT | Dịch vụ kỹ thuật                            | ĐVT        | Số lượng |
|-----|---------------------------------------------|------------|----------|
| 1   | Xét nghiệm Tacrolimus                       | Xét nghiệm | 400      |
| 2   | Xét nghiệm Cyclosporine                     | Xét nghiệm | 150      |
| 3   | Xét nghiệm CYFRA 21-1                       | Xét nghiệm | 2,000    |
| 4   | Xét nghiệm HE4                              | Xét nghiệm | 1,500    |
| 5   | Xét nghiệm ProGRP                           | Xét nghiệm | 2,000    |
| 6   | Xét nghiệm SCC                              | Xét nghiệm | 2,200    |
| 7   | Xét nghiệm NT-proBNP                        | Xét nghiệm | 3,500    |
| 8   | Xét nghiệm TRAb                             | Xét nghiệm | 800      |
| 9   | Xét nghiệm kháng thể kháng nhân ANA         | Xét nghiệm | 1,500    |
| 10  | Xét nghiệm kháng thể kháng chuỗi kép ds DNA | Xét nghiệm | 1,500    |
| 11  | Xét nghiệm định lượng IgE                   | Xét nghiệm | 1,500    |
| 12  | Xét nghiệm định lượng CA 72-4               | Xét nghiệm | 5,000    |
| 13  | Xét nghiệm định lượng RENIN máu             | Xét nghiệm | 375      |
| 14  | Xét nghiệm định lượng RENIN niệu            | Xét nghiệm | 375      |
| 15  | Xét nghiệm định lượng Aldosteron            | Xét nghiệm | 375      |
| 16  | Xét nghiệm định lượng ACTH                  | Xét nghiệm | 375      |
| 17  | Xét nghiệm anti-CCP                         | Xét nghiệm | 450      |
| 18  | Xét nghiệm điện di protein                  | Xét nghiệm | 30       |
| 19  | Xét nghiệm ADAMTS 13                        | Xét nghiệm | 30       |

|    |                                                         |            |        |
|----|---------------------------------------------------------|------------|--------|
| 20 | Xét nghiệm kháng thể kháng cơ trơn Sm                   | Xét nghiệm | 75     |
| 21 | Xét nghiệm J0 -1                                        | Xét nghiệm | 75     |
| 22 | Xét nghiệm đo áp lực thẩm thấu máu                      | Xét nghiệm | 150    |
| 23 | Xét nghiệm đo áp lực thẩm thấu niệu                     | Xét nghiệm | 150    |
| 24 | Xét nghiệm định lượng methnol                           | Xét nghiệm | 150    |
| 25 | Xét nghiệm định tính paracetamol                        | Xét nghiệm | 75     |
| 26 | Xét nghiệm định lượng IgE đặc hiệu với dị nguyên hô hấp | Xét nghiệm | 4,000  |
| 27 | Xét nghiệm định lượng IgE đặc hiệu với dị nguyên hô hấp | Xét nghiệm | 4,000  |
| 28 | Xét nghiệm ANA 17 profile test                          | Xét nghiệm | 50     |
| 29 | Xét nghiệm ANA 12 profile test                          | Xét nghiệm | 50     |
| 30 | Xét nghiệm định lượng HbA1c                             | Xét nghiệm | 28,000 |



Tên công ty báo giá

## BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi : .....{Ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá}

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi .... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

### 1. Báo giá cho dịch vụ kỹ thuật:

| STT | Danh mục dịch vụ kỹ thuật | Mô tả dịch vụ kỹ thuật | Quy cách đóng gói(*)                                |                                                                                                                                                                                                                                     | Khối lượng dịch vụ kỹ thuật mời thầu | Đơn vị tính | Đơn giá tính trên mỗi dịch vụ kỹ thuật | Thành tiền    |
|-----|---------------------------|------------------------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|-------------|----------------------------------------|---------------|
|     |                           |                        | Số lượng dịch vụ kỹ thuật trong một đơn vị đóng gói | Nhà thầu phải liệt kê chi tiết trong 1 đơn vị đóng gói:<br>1. Loại hóa chất, vật tư xét nghiệm và các vật tư cần thiết đi kèm để thực hiện dịch vụ kỹ thuật<br>2. Số lượng từng loại hóa chất, vật tư xét nghiệm, ... nêu tại mục 1 |                                      |             |                                        |               |
| (1) | (2)                       | (3)                    | (4)                                                 | (5)                                                                                                                                                                                                                                 | (6)                                  | (7)         | (8)                                    | (9)           |
| I   | Các hạng mục              |                        |                                                     |                                                                                                                                                                                                                                     |                                      |             |                                        | $A=A1+A2+...$ |
| 1   | Xét nghiệm 1              |                        | 10 xét nghiệm                                       | - Hóa chất x 3 lọ<br>Tiêu chuẩn chất lượng:<br>Xuất xứ:<br>- Găng tay: 1 đôi<br>- ...                                                                                                                                               | 1.000                                | xét nghiệm  | 20                                     | A1            |
| 2   | Xét nghiệm 2              |                        |                                                     |                                                                                                                                                                                                                                     |                                      |             |                                        | A2            |



|                                                              |                                           |  |  |  |  |     |  |  |                      |
|--------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|--|--|--|--|-----|--|--|----------------------|
| ...                                                          |                                           |  |  |  |  |     |  |  |                      |
| II                                                           | Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh |  |  |  |  | b1% |  |  | $BI = b1\% \times A$ |
| Tổng hợp giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) |                                           |  |  |  |  |     |  |  | A + BI               |

Ghi chú:

- Đối với dung dịch hệ thống, dung dịch rửa, các dung dịch tiêu hao chung khác và các vật tư tương tự cho các xét nghiệm, thiết bị được sử dụng chung cho quá trình khởi động thiết bị, rửa định kỳ, bảo dưỡng thiết bị định kỳ.....: trường hợp không thể đóng gói theo quy cách đóng gói của hóa chất, vật tư xét nghiệm..., nhà thầu cần đảm bảo cung cấp không gián đoạn cho Chủ đầu tư mà không phải ghi quy cách đóng gói.
- Cột (8): Nhà thầu điền đơn giá cho tất cả các hạng mục công việc. Đơn giá nhà thầu chào bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu tính cho mỗi dịch vụ kỹ thuật, bao gồm chi phí về mượn thiết bị y tế, chi phí hóa chất, vật tư xét nghiệm, vật tư cần thiết đi kèm; dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng, thay thế linh kiện; lắp đặt, đào tạo, hướng dẫn sử dụng; hóa chất, vật tư xét nghiệm, vật tư cần thiết đi kèm phục vụ công tác thử nghiệm chất lượng dịch vụ kỹ thuật và hiệu chỉnh thiết bị; thiết bị dự phòng (nếu có); hóa chất, vật tư xét nghiệm mẫu và các chi phí liên quan khác để thực hiện gói thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí, chi phí dự phòng (nếu có). Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

## 2. Danh mục thiết bị y tế để thực hiện dịch vụ kỹ thuật

| STT | Danh mục thiết bị y tế mượn, hóa chất, vật tư xét nghiệm và các vật tư cần thiết đi kèm, dịch vụ đi kèm để thực hiện dịch vụ kỹ thuật | Đơn vị tính | Khối lượng | Mô tả hàng hóa, dịch vụ(1) | Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có)(2) | Địa điểm lắp đặt thiết bị, giao hàng, hoàn thành dịch vụ (nếu có) | Ngày lắp đặt thiết bị, giao hàng, hoàn thành dịch vụ sớm nhất<br><br>[ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày Chủ đầu tư yêu cầu lắp đặt thiết bị, giao hàng, hoàn thành dịch vụ đối với trường hợp lắp đặt thiết bị, giao hàng, hoàn thành dịch vụ nhiều lần] |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------|----------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| I   | Thiết bị                                                                                                                              |             |            |                            |                                         |                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 1   | Máy 1 (bao gồm cả phần mềm hệ thống, bộ lưu điện (UPS), màn hình, bộ xử lý tự động, máy quét, máy in, giá đỡ thiết bị...)             | Bộ          | 1          | Công suất Công nghệ        |                                         |                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                     |



|     |                                                                                                                 |            |                                            |                        |  |  |  |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|--------------------------------------------|------------------------|--|--|--|
| 2   | Máy dự phòng của máy<br>I                                                                                       | Cái        | I                                          | Công suất<br>Công nghệ |  |  |  |
| II  | Dịch vụ đi kèm                                                                                                  |            |                                            |                        |  |  |  |
| I   | Dịch vụ đi kèm bao<br>gồm bảo hành, bảo<br>dưỡng, thay thế linh<br>kiện; lắp đặt, đào tạo,<br>hướng dẫn sử dụng | Dịch<br>vụ | Theo<br>yêu<br>cầu<br>của<br>Chủ<br>đầu tư |                        |  |  |  |
| ... | ...                                                                                                             |            |                                            |                        |  |  |  |

Ghi chú:

- Nhà thầu có trách nhiệm cho mượn thiết bị y tế, dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng, thay thế linh kiện; lắp đặt, đào tạo, hướng dẫn sử dụng; cung cấp hóa chất, vật tư xét nghiệm, vật tư cần thiết đi kèm phục vụ công tác thử nghiệm chất lượng dịch vụ kỹ thuật và hiệu chỉnh thiết bị; cung cấp thiết bị dự phòng (nếu có);

Báo giá này có hiệu lực trong vòng: .... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngày ....tháng....năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực

...., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp<sup>(12)</sup>  
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))